

Số: 122/GPMT-UBND

Bình Định, ngày 27 tháng 8 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định tại số 07 Lê Duẩn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 119/CV-QN ngày 22/8/2024 của Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1023/TTr-STNMT ngày 23/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định (sau đây gọi là Chủ cơ sở) thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định tại số 07 Lê Duẩn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 07 Lê Duẩn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 4100506252 do Phòng Đăng ký kinh doanh (thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định) cấp lần đầu ngày 05/08/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/10/2021.

1.4. Mã số thuế: 4100506252.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: dịch vụ thương mại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Diện tích 3.574,45 m².

- Quy mô, công suất: Tổng số các mặt hàng đang kinh doanh khoảng 3.000 mặt hàng; khu dịch vụ ăn uống và vui chơi giải trí.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục II kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải quy định tại Phụ lục III kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường theo Phụ lục IV kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý nước thải, bảo đảm nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường, Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý nước thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường và Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 27 tháng 8 năm 2024 đến ngày 26 tháng 8 năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND Phường Lý Thường Kiệt;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục I
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
CÔNG TÁC THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ bếp ăn.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu chế biến thực phẩm.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ việc vệ sinh sàn nhà.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Quy Nhơn.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Hố ga hiện trạng trên vỉa hè đường Lê Duẩn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Tọa độ: X = 1.522.772; Y = 604.823 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 108⁰15').

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 25 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1,2 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải quan	Không thuộc đối tượng phải quan
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	trắc nước thải định kỳ	trắc nước thải tự động, liên tục
6	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	60		
7	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	12		
8	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	4,8		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải: Hệ thống thu gom nước thải của dự án là hệ thống thoát nước riêng biệt, bao gồm:

- Nguồn số 01, 02, 03: nước từ bếp ăn sau khi được tách mỡ, khu chế biến thực phẩm, vệ sinh sàn được thu gom bằng đường ống uPVC D114 và sau đó theo đường ống dẫn uPVC D140 về bể gom của hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 04 (Nước thải từ nhà vệ sinh): được thu gom theo hạ tầng thoát nước thải của Trung tâm thương mại Quy Nhơn do Công ty Cổ phần Thương mại Hoàn Cầu làm chủ đầu tư theo thỏa thuận.

1.2. Hệ thống xử lý nước thải

- Quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hoà → Bể sinh học kỵ khí (có giá thể) → Bể sinh học hiếu khí (có giá thể) → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải đầu ra (Đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B, k = 1,2) → Hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Quy Nhơn.

- Công suất thiết kế: 50 m³/ngày.đêm.

- Quy trình vận hành: hệ thống xử lý được vận hành tự động, thường xuyên và liên tục.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen.

- Thông số kỹ thuật cơ bản các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải:

TT	Hạng mục	Số lượng	Thông số thiết kế		
			Kích thước bể (L x B x H)	Thể tích bể (m ³)	Thời gian lưu nước (giờ) tính theo công suất 25m ³ /ngày
1	Bể thu gom	01	2,0 x 0,6 x 2,7	3,24	3,11
2	Bể tách dầu mỡ	01	1,8 x 0,7 x 2,5	3,15	3,02
3	Bể điều hòa	01	2,6 x 1,9 x 2,5	12,35	11,56
4	Bể sinh học kỵ khí	01	2,6 x 1,5 x 2,5	9,75	9,36
5	Bể sinh học hiếu khí	01	7,0 x 1,8 x 2,5	31,5	30,24
6	Bể lắng	01	1,8 x 1,5 x 2,5	6,75	6,48
7	Bể khử trùng	01	1,8 x 0,6 x 2,5	2,7	2,59
8	Bể chứa bùn	01	1,8 x 0,7 x 2,5	3,15	-

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các thông số kỹ thuật và bảo trì, bảo dưỡng đường ống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải.

- Đối với sự cố trong hệ thống xử lý nước thải: sử dụng tín hiệu báo sự cố khi có sự cố xảy ra, sử dụng bơm nước thải dự phòng khi bị cháy bơm; tạm dừng xả thải khi phát sinh sự cố, khắc phục sự cố, đồng thời báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Quy Nhơn, UBND phường Lý Thường Kiệt để phối hợp quản lý và hỗ trợ khi xảy ra sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong vòng 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: hồ ga sau xử lý trước khi đầu nối về hệ thống thoát nước chung của thành phố Quy Nhơn tọa độ X = 1.522.785; Y = 604.850 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3⁰, kinh tuyến trực 108°15').

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Phần A của Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước:

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải hoạt động thường xuyên, liên tục.

- Bố trí nhân viên thường xuyên theo dõi, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình thiết kế.

- Báo cáo cơ quan chức năng và xử lý kịp thời khi có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận và môi trường do việc xả nước thải gây ra.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh.

Phụ lục II
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
 ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Vận hành các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tại khu vực máy thổi khí, máy bơm nước của hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ X = 1.522.778, Y = 604.867. (theo hệ toạ độ VN 2000, múi chiều 3⁰, kinh tuyến trực 108⁰15')

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA, cụ thể như sau:

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)	
		Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực thông thường	70	55

3.2. Độ rung: Độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
		Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực thông thường	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: bảo dưỡng máy móc định kỳ,...

Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: chủ dự án đã thực hiện gắn chặt các máy móc vào nền xi măng và có lót đệm cao su chống rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm khi tiếng ồn, độ rung không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này.

Phụ lục III
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	5	16 01 12
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	15	16 01 06
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	33	17 02 03

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát (được quản lý như chất thải nguy hại).

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTCNPKS
1	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	Rắn	10	18 02 01
2	Các linh kiện điện tử thải	Rắn	5	16 01 13

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh khoảng 3.500 kg/năm.
- Dầu mỡ từ bể tách dầu mỡ phát sinh khoảng 500 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: Khoảng 550 kg/ngày (thành phần chất thải bao gồm: thực phẩm thừa, rau củ quả, giấy, carton, bao nylon,...).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát được quản lý như chất thải nguy hại.

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy dán mã chất thải, đảm bảo đủ lưu chứa toàn bộ lượng chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát được quản lý như chất thải nguy hại phát sinh.

2.1.2. Khu vực lưu chứa: Kho chất thải nguy hại có diện tích 07 m², chiều cao 3m, có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, có mái che và tường bao quanh, nền được trát vữa xi măng, cửa có khóa, gắn biển báo và bố trí các thùng chứa

riêng biệt đối với từng loại theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chuyên dụng dung tích 12 lít, 120 lít có nắp đậy đặt tại khu phục vụ ăn uống, sảnh siêu thị, nhà vệ sinh, văn phòng, khu bếp.

- Khu vực lưu chứa: Chất thải rắn sinh hoạt của toàn bộ cơ sở sau khi được thu gom và phân loại tại nguồn được đưa về khu vực lưu chứa:

- + Chất thải có thể tái chế sẽ được đưa về kho chứa phế liệu diện tích khoảng 10m², sau đó hợp đồng với đơn vị thu mua phế liệu.

- + Chất thải rắn không tái chế được đưa về khu tập kết rác của Trung tâm Thương mại Quy Nhơn do Công ty Cổ phần Thương mại Hoàn Cầu làm chủ đầu tư (Công ty Cổ phần Thương mại Hoàn cầu có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

- Bùn thải và mỡ từ hệ thống xử lý nước thải sẽ chuyển giao trực tiếp cho đơn vị có chức năng thu gom (khi đầy), không bố trí thiết bị và khu vực lưu chứa tại cơ sở.

- Ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển với đơn vị có chức năng.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải:

Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 75, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục IV
YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số _____ /GPMT-UBND
ngày _____ tháng _____ năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Giảm thiểu khí thải, mùi hôi từ các hoạt động của khu nhà bếp: lắp đặt hệ thống hút và xử lý mùi tại khu nhà bếp đảm bảo không ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh.
2. Lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định của pháp luật.
3. Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật.
5. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định mới.